

## Kinh tế Việt Nam năm 2012

### Các điểm sáng, ba điểm nghẽn lớn và giải pháp khắc phục

TS. Nguyễn Đại Lai  
NHNN Việt Nam

Năm 2012 đã khép lại. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn u ám từ bão táp nợ công châu Âu, “vách đá tài chính” nước Mỹ đến khủng hoảng kinh tế - chính trị Trung Đông đã vẽ nên nhiều mảng xám hơn là mảng sáng. Kinh tế Việt Nam 2012 trong hội nhập quốc tế cũng không thể nằm ngoài bức tranh chung đó. Tuy vậy, do Việt Nam có lợi thế của người đi sau và đang được nằm trong vùng địa kinh tế công nghiệp trẻ, năng động, là điểm đến của đầu tư, thương mại thế giới, nên bức tranh chung của kinh tế Việt Nam sau năm Nhâm Thìn ngoài nhân tố thuận lợi khách quan còn có nỗ lực chủ quan, nên đỡ u ám hơn so với bức tranh kinh tế chung toàn cầu. Bài này sẽ cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn tổng quát về kinh tế Việt Nam 2012, trong đó bao gồm những thành tựu, những điểm sáng đáng ghi nhận và nêu ra ba điểm nghẽn lớn cùng những đề xuất góp phần tháo gỡ khó khăn để phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Nợ xấu, thất nghiệp, điểm nghẽn.

#### Những điểm sáng kinh tế Việt Nam 2012

Tăng trưởng tuy thấp, chỉ đạt 5,03% so với năm 2011, nhưng sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam có xu hướng quý sau tăng cao hơn quý trước: cụ thể là quý I tăng 4,64%; quý II tăng 4,80%; quý III tăng 5,05%; quý IV tăng 5,44%; lạm phát không vượt quá 7%, chỉ ở mức 6,81% sau hàng loạt năm cao 2 con số. Thặng dư cán cân thanh toán tổng thể không ít hơn 9 tỷ USD nhờ tăng kim ngạch xuất khẩu tổng hợp cả năm lên tới 18,2%, đạt khoảng 105 tỷ USD, so với tốc độ tăng tổng kim ngạch nhập khẩu chỉ khoảng 6,8% so với cùng kỳ năm 2011, làm cho cán cân tổng kim ngạch xuất lớn hơn nhập, có thặng dư hơn 300 triệu USD sau 19 năm thâm hụt, góp phần gia tăng mạnh cán cân thanh toán tổng thể (cán cân thanh toán tổng thể của Việt Nam năm 2009 bị thâm hụt 8,8 tỷ USD. Năm 2010 thâm hụt 3,07 tỷ USD, năm 2011 bắt đầu có thặng dư thấp, ở mức 3,1 tỷ USD); bội chi ngân sách nằm trong vùng an toàn, không lớn hơn 5%GDP, cụ thể là thâm hụt 4,8% GDP; trong đó tổng thu: ước đạt 741,5 ngàn tỷ đồng,

tổng chi: 904,1 ngàn tỷ đồng, tăng 0,11% so với dự toán và tăng 14,6% so với năm 2011 (Anh Minh, 2012)... Ngoài ra cũng cần kể đến một số điểm sáng vĩ mô khác như: thị trường ngoại hối và tỷ giá ổn định, đến ngày 21/12/2012, tỷ giá mua trung bình của các NHTM giảm 0,96% so với cuối năm 2011, tình trạng đô la hóa đã giảm (tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán hiện nay là 13,2%, thấp hơn mức 15,8% cuối năm 2011) (NHNN, 2013). Lãi suất giảm mạnh vào quý cuối năm, thanh khoản ngân hàng đã trở lại khá ổn định cùng với các kênh đầu tư vàng, ngoại hối đang không còn là sự lựa chọn phổ biến của các nhà đầu tư, đầu cơ, nên cũng sẽ là cơ hội thuận cho tiến trình tiếp tục giảm lãi suất ở cả hai đầu nhanh hơn vào quý đầu năm 2013.

#### Ba điểm nghẽn lớn của kinh tế Việt Nam năm 2012

Dù không phủ nhận các thành tựu nói trên song nếu nhìn một cách biện chứng vào chất lượng các thành tựu đó thì thấy cũng còn rất nhiều

vấn đề nan giải. Thực tế, kinh tế Việt Nam đến cuối năm 2012 đang có ba điểm nghẽn lớn sẽ chuyển qua cho năm 2013 là: (i) Tổng cầu tăng thấp; (ii) Thất nghiệp gia tăng; (iii) Nợ xấu ngân hàng cao ở mức báo động. Cụ thể như sau:

### **Về mức độ giảm tốc độ tăng tổng cầu**

Để có được mức lạm phát dưới một con số, nền kinh tế nước ta đã phải hy sinh tăng trưởng, chỉ đạt 5,03% so với mức tăng 5,89% của năm 2011 và 6,78% của năm 2010. Tốc độ tăng tín dụng năm 2012 rất thấp, chỉ bằng 1/3 tốc độ tăng huy động - nghĩa là cả hai chỉ tiêu vĩ mô này (tăng trưởng và lạm phát) đều không căn bản dựa trên năng suất lao động mà chủ yếu dựa vào sự thắt chặt chính sách tiền tệ và sự hy sinh sản lượng. Cùng với đó, kinh tế nước ta vẫn là một nền kinh tế mất cân đối về cung - cầu: vẫn một nền công nghiệp gia công, lắp ráp. Muốn kim ngạch xuất cảng lớn thì phải trông chờ vào việc nhập linh kiện, phụ tùng, thiết bị càng nhiều. Trong năm qua, thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta là đến các nước châu Âu (EU) với kim ngạch ước tính đạt 18 tỷ USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2011; tiếp đến là Hoa Kỳ đạt 17,9 tỷ USD; ASEAN đạt 15,8 tỷ USD; Nhật Bản đạt 11,9 tỷ USD; Trung Quốc đạt 11,2 tỷ USD; Hàn Quốc đạt 5 tỷ USD... Trong khi đó, thị trường nhập vào từ Trung Quốc vẫn là lớn nhất, với kim ngạch ước tính lên tới 26,2 tỷ USD, tiếp đến là ASEAN đạt 19,3 tỷ USD, Hàn Quốc đạt 14,2 tỷ USD, Nhật Bản đạt 10,7 tỷ USD, EU đạt 8 tỷ USD, nhập từ Hoa Kỳ chỉ đạt 4,3 tỷ USD. Phần lớn công nghiệp có xuất - nhập vẫn là từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), trong đó xuất siêu từ khu vực FDI lên tới xấp xỉ 12 tỷ USD và nhập siêu từ các khu vực nội lên đến hơn 11 tỷ USD, làm cho ý nghĩa của xuất siêu tổng quát năm 2012 hóa ra là thành tựu của khu vực có FDI trên lãnh thổ Việt Nam hơn là của Việt Nam. Công nghiệp phụ trợ hầu như không đáng kể, chưa tạo thành chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu, mà chỉ căn bản là sự phân bố "xưởng" sản xuất toàn cầu

phù hợp với địa lý bán hàng của nước đầu tư (nước xuất khẩu tư bản) và sự dễ tính của nước chủ nhà. Công nghiệp ít gắn với xuất khẩu như ngành giao thông, xây dựng tạo ra một tổng giá trị bất động sản khổng lồ, đã tính vào GDP, nhưng tồn kho được dự tính lên đến hơn 30%. Năng lực hấp thụ vốn của nền kinh tế kém, nhưng lãi suất vẫn ở mức cao kéo dài, thị trường chứng khoán giảm ở phân khúc cổ phiếu, nhưng thị trường trái phiếu Chính phủ vẫn tiêu thụ tốt - nghĩa là nợ công tăng, nhưng vốn dồn cho khu vực phi sản xuất và khu vực đầu tư không hoàn lại vẫn có tốc độ tăng mạnh hơn cho khu vực sản xuất kinh doanh. Công nghiệp chế biến hàng tiêu dùng vẫn luôn bị tấn công, bị chèn ép bởi hàng nhập phẩm cấp thấp, giá rẻ. Tổng lưu chuyển hàng hóa bán lẻ năm 2012, tính theo giá thị trường chỉ tăng 16,4%, nếu loại trừ yếu tố tăng giá thì chỉ tăng khoảng 7,4%. Tuy nhiên, tốc độ tăng này đã thấp xa so với các thời kỳ trước (bình quân thời kỳ 1991-1995 tăng 12,8%, 1996-2000 tăng 7,9%, 2001-2005 tăng 11,8%, 2006-2010 tăng 15%) (Minh Ngọc, 2012). Biểu hiện lớn nhất của hiện tượng giảm tốc độ tăng tổng cầu là các doanh nghiệp hiện nay đang phải đối diện với lượng hàng tồn kho lớn chưa từng thấy. Ví dụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cho biết, thời gian qua dù các doanh nghiệp bất động sản đã có rất nhiều giải pháp nhằm tự cứu mình như hạ giá bán, chia nhỏ căn hộ, hay tung ra các gói khuyến mại và hỗ trợ tín dụng cho người mua nhà... nhưng diễn biến trên thị trường vẫn không mấy khả quan. Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cũng cho biết, khi doanh nghiệp khó khăn thì địa phương cũng khó theo bởi thiếu hụt nguồn thu ngân sách. Lãi suất tín dụng vẫn cao, tồn kho ngày càng tăng, nhất là do một số thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam bị thu hẹp. Tại Nghệ An đại diện cho các tỉnh miền Trung, tính đến thời điểm cuối tháng 11, vẫn có đến 40% doanh nghiệp bị tê liệt, 30% doanh nghiệp hoạt động chập chờn... đặc biệt là các doanh nghiệp trong các lĩnh vực vật liệu xây dựng, xây lắp, vận tải... Nhìn chung trong phạm vi

cả nước, sức mua giảm trong khi chi phí sản xuất lại tăng nhanh, khiến hàng tồn kho tăng cao do giá cao, khó bán: chi phí nguyên vật liệu nhiều ngành tăng đột biến như ngành sản xuất bao bì, giấy tăng 50%, ngành dệt may tăng 30-45%, ngành xây dựng tăng 25%, giá xăng dầu đã tăng rùng sau 11 tháng 2.300 đồng/lít, tăng tới 11,5%, cước vận tải hàng hóa quốc tế liên tục tăng từ đầu năm với mức tăng trên 50%, chi phí tài chính chiếm trong giá thành sản phẩm tăng lên mức 7% so với 4,72% và 5,56% của năm 2010 và 2011, lãi suất của Việt Nam bình quân cao hơn nhiều (từ 2-3 lần) so với các nước trong khu vực. Mức thuế 25% mà Việt Nam đang áp dụng hiện nay cũng đang cao hơn so với khu vực (tại Thái Lan, mức thuế này hiện tại là 23%; Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan là 17%). Theo công bố Báo cáo kinh tế vĩ mô 2012 ngày 04/9/2012, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội nước ta đã thừa nhận sự thật là: “người Việt Nam đang phải gánh chịu tỷ lệ thuế + phí cao hơn từ 1,4 đến 3 lần so với những nước láng giềng”. Cụ thể, trung bình trong 5 năm gần đây, nếu tỷ lệ thu (thuế + phí)/GDP của Việt Nam luôn luôn cao hơn 21%GDP, thì ở Thái Lan và Malaysia con số này chỉ xấp xỉ 15,5%, Philippines: 13%, Indosia: 12,1% và Ấn Độ thậm chí chỉ thu 7,8%GDP... (Hong Dung, 2012). Theo quy luật, các gánh nặng nói trên ắt làm gia tăng mức độ giảm tổng cầu tổng quát của nền kinh tế.

### ***Về tình trạng thất nghiệp***

Sự suy giảm tốc độ tăng tổng cầu đã tác động xấu đến tăng trưởng tín dụng, đến tăng trưởng kinh tế và do đó đến việc làm... Đến lượt nó, khi tổng sức mua tăng chậm, sản xuất phải thu hẹp, nhu cầu vốn cho sản xuất thấp và đời sống người lao động sẽ không thể cải thiện. Nếu năm 2010, cả nước có gần 190.000 người đăng ký thất nghiệp, năm 2011 số người đăng ký thất nghiệp đã tăng lên hơn 330.000 người, tăng tới 73,7% và chỉ trong quý I/2012 đã có đến 116.000 người đăng ký thất nghiệp, tăng hơn 70% so cùng kỳ năm 2011. Từ 2010 đến nay, bình quân mỗi

tháng, số người đăng ký thất nghiệp ở nước ta đã tăng lên hơn hai lần. Việt Nam do đó có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất so với các nước trong khu vực. Theo Trung tâm dự báo nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động Tp. Hồ Chí Minh, nhu cầu tuyển dụng lao động trong tháng 7/2012 giảm 40%, có những ngành giảm 60%. Cả năm 2010 toàn Tp. Hồ Chí Minh chỉ có hơn 67 nghìn người đăng ký thất nghiệp, thì chỉ 7 tháng đầu năm 2012 các điểm đăng ký thất nghiệp đã tiếp nhận hơn 70 nghìn người (Lê Nguyên và Vy Khánh, 2012). Hầu hết các tỉnh, thành trong cả nước đều có tình trạng giảm lượng tuyển dụng vào và tăng lượng lao động bị mất việc làm do giảm sản lượng hàng hóa tiêu thụ hoặc ngừng sản xuất, thậm chí chủ doanh nghiệp bỏ trốn, bỏ mặc người lao động và đóng nợ lớn đối với ngân sách nhà nước cũng như nợ ngân hàng. Theo bà Đoàn Phi Vân - Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý hàng đầu tư (Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh), hiện có hàng trăm doanh nghiệp nước ngoài mất tích, bỏ trốn với số nợ thuế lên đến hàng trăm tỷ đồng nhưng không giải quyết được (Đình Dân, 2012). Nhà nước mất thuế còn người lao động bị nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội và cuộc sống khó khăn. Trong khi đó, lương tối thiểu hiện tại nói chung không đủ đảm bảo mức sống tối thiểu. Theo lộ trình, lương tối thiểu phải đến 2015-2016 mới có thể đảm bảo được cuộc sống tối thiểu trong điều kiện lao động giản đơn. Tính chung hai năm 2011 và 2012, cả nước có khoảng 100 ngàn doanh nghiệp buộc phải rút khỏi thị trường qua các hình thức giải thể, phá sản, ngừng hoạt động... bằng 50% tổng số doanh nghiệp rút khỏi thị trường trong cả 20 năm qua (Lê Kim Liên, 2012) và kéo theo đó là số lượng người thất nghiệp (từng đó tích số người bình quân/doanh nghiệp nhân với số doanh nghiệp phải rời khỏi nơi làm việc).

### ***Về nợ xấu ngân hàng***

Theo Bộ Tài chính thì hiện có đến 30/85 tập đoàn và tổng công ty có tỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu gấp trên ba lần, đặc biệt có 7 tập đoàn và tổng công ty có tỉ số D/E (debt equity ratio) trên 10 lần (Đan Thanh, 2013).

Một tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu quá lớn. Khu vực này cũng nắm giữ trên 80% nguồn lực tài nguyên rừng, khoáng sản, biển, ODA và hơn 650.000 tỷ đồng vốn chủ sở hữu nhưng chỉ tạo ra 37% GDP. Nợ xấu đang nằm ở khu vực này cũng lớn nhất, khoảng 70% của 10% tổng dư nợ (khoảng  $70\% \times 290.000 = 203.000$  tỷ đồng). Ngoài ra, nếu so với con số điều chỉnh của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, tổng dư nợ bất động sản chiếm khoảng 12,8% tổng dư nợ. Nếu lấy tỷ lệ nợ xấu bất động sản theo báo cáo này là 36% thì riêng nợ xấu trong lĩnh vực này đã là  $0,36 \times 12,8\% \times 290.000 = 13.363,2$  tỷ đồng, chiếm 46,1% tổng nợ xấu toàn hệ thống. Nếu áp dụng tiền lệ trên thị trường ở các nước khác khi khủng hoảng với tỷ lệ tổn thất thường vào khoảng 60%, thì tổng thiệt hại do nợ xấu gây ra cho Việt Nam sẽ vào khoảng  $290.000 \times 60\% = 174.000$  tỷ đồng, khoảng 8,2 tỷ USD, tương đương 5,85% GDP, lớn hơn tổng giá trị GDP tăng thêm của cả năm 2012.

### Đề xuất đường nét tháo gỡ các điểm nghẽn

Cả ba điểm nghẽn đề cập ở trên đều liên quan trực tiếp đến cấu trúc bất hợp lý của nền kinh tế: (i) Khu vực doanh nghiệp nhà nước nắm tiềm lực lớn nhất về tài nguyên, vốn xã hội nhưng hoạt động kém hiệu quả, nợ xấu lớn; (ii) Khu vực FDI thì đang biến nước ta thành xưởng gia công hoặc chỉ đầu tư vào những lĩnh vực tạo lợi nhuận nhanh, sử dụng ít nhân lực và hoạt động bấp bênh, không bền vững; (iii) Khu vực tư nhân, cá thể thì vừa yếu về điều kiện cạnh tranh, vừa không ổn định việc làm và thu nhập của người lao động hiện đang thấp nhất. Toàn bộ những mặt trái nêu trên, một mặt là phản ánh rõ rệt những điểm yếu không thể ngồi nhìn, một mặt chính nó cũng tạo ra sức ép, tạo ra bài học lớn để kiên quyết cải cách. Đòi hỏi cấp bách phải tái cấu trúc không chỉ lĩnh vực đầu tư công, tài chính ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước, mà cần phải tái cấu trúc cả nền kinh tế. Theo tác giả, đường nét căn bản để tháo gỡ là:

- Ngoài những hành động “cấp cứu” mang tính khẩn cấp, ngắn hạn dành cho ba điểm nghẽn đã

nêu, nhà nước phải xác lập rành mạch quyền sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp với quyền tổ chức sản xuất kinh doanh. Theo đó, nhà nước nên bán bớt, bán toàn bộ và hoặc cho khu vực khác thuê nguồn tài lực tùy theo loại doanh nghiệp và ngành nghề, để nhà nước thu hồi bớt, chuyển vốn vào các lĩnh vực rất hẹp, chỉ phục vụ an sinh xã hội, gồm: y tế, an ninh quốc phòng, giáo dục, nghiên cứu khoa học hàn lâm, khoa học ứng dụng bậc cao, nuôi dưỡng nhân tài cho đất nước.

- Phần lớn vốn của nhà nước và vốn của toàn dân (do nhà nước quản lý) sẽ chuyển sang đầu tư, thu lợi tức... để giảm gánh nặng đóng góp của xã hội. Tất cả tài nguyên thiên nhiên, lợi thế quốc gia, thương hiệu quốc gia thuộc về sở hữu toàn dân thì nhà nước căn bản phải thu phí sử dụng để cơ cấu lại nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Song song với một cuộc cách mạng đích thực về quyền sở hữu vốn, tài sản, tài nguyên phải cơ cấu lại môi trường pháp lý theo hướng nhà nước pháp quyền đích thực: nhà nước chỉ nên là một hệ thống lập pháp, hệ thống hành chính và hệ thống tư pháp sao cho đủ gọn và chuyên nghiệp nhất. Căn bản nền kinh tế phải vận hành theo cơ chế thị trường. Chính sách của nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng, chỉ tác động vào tổng cung và tổng cầu để dẫn dắt thị trường. Giảm mạnh các loại mệnh lệnh hành chính từng bóp méo và đánh thẳng vào các công cụ tạo nên cơ chế thị trường như giá cả, lãi suất, tỷ giá, thương hiệu, điều kiện cạnh tranh lành mạnh... Chính thị trường và sự minh bạch thể chế của nhà nước pháp quyền sẽ thanh lọc những hành vi tham nhũng, sự yếu kém và liên tục chọn lọc được các nhà quản trị minh tuệ các cấp phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân.

Chúng ta trân trọng ghi nhận những điểm sáng đã tạo được trong năm 2012. Mặt khác, tuy chỉ bàn đến ba điểm tắc nghẽn đã dồn tích từ lâu đến 2012 sẽ “bàn giao” cho 2013, nhưng vấn đề thực sự lại mang tính chiến

lược nằm ở cấu trúc thể chế, cơ chế và tính minh bạch của thể chế. Chương trình tái cấu trúc toàn diện nền kinh tế do đó phải được luật hóa để thực sự qui tụ được những tinh hoa của nền kinh tế - xã hội, để có được lời

giải đủ niềm tin, hy vọng cho xã hội và thị trường thì mới căn bản khắc phục được những điểm nghẽn hiện tại nói riêng và các điểm nghẽn tiềm tàng khác của nền kinh tế chuyển đổi của nước ta nói chung ■

---

#### Tài liệu tham khảo:

1. Anh Minh (2012). Bội chi ngân sách “kịch trần” chỉ tiêu. <http://vneconomy.vn/20121225030618652POC9920/boi-chi-ngan-sach-kich-tran-chi-tieu.htm>.
2. Đan Thanh (2013). “Tính số” các tập đoàn. <http://www.baomoi.com/Home/KinhTe/www.anninhthudo.vn/Tinh-so-cac-tap-doan/10183169.epi>.
3. Đình Dân (2012). Doanh nghiệp ngoại mất tích. <http://tuoitre.vn/kinh-te/522545/doanh-nghiep-ngoai-mat-tich.html>.
4. Hồng Dung (2012). Chính sách thuế chưa “khoan sức” DN. <http://tinnhanhchungkhoan.vn/charts/noidung.php?nid=59736>.
5. Lê Nguyên và Vy Khánh (2012). Báo động thất nghiệp. <http://www.tienphong.vn/Page/PrintView.aspx?ArticleID=548177>.
6. Lê Kim Liên (2012). Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam 2012: Tập trung tìm nút thắt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. <http://www.baocongthuong.com.vn/p0c211n29409/tap-trung-tim-nut-that-thao-go-kho-khan-cho-doanh-nghiep.htm>.
7. Minh Ngọc (2012). Nhìn tiêu dùng từ tổng mức bán lẻ. <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Nhin-tieu-dung-tu-tong-muc-ban-le/201212/155857.vgp>.
8. Ngân hàng Nhà nước (2013). Thông cáo Báo chí về đánh giá điều hành chính sách tiền tệ năm 2012, định hướng điều hành trong năm 2013.